

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý

2. Ông Đỗ Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 862/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phương Đ, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, bà H và ông Đ tự nguyện kết hôn, chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng đến ngày 15/5/2000 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện B, tỉnh B (nay là phường M, thị xã B). Vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ thường xuyên uống rượu say xỉn không quan tâm chăm sóc vợ con. Vì các con nên bà H cố gắng nhẫn nhịn khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi. Vợ chồng vì vậy mà thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, tình cảm ngày càng mất đi. Cách đây 07 năm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân từ đó đến nay. Nay tình

cảm vợ chồng không còn, đã ly thân 07 năm, hôn nhân không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng Đ1, sinh ngày 30/5/2000 đã trưởng thành đủ 18 tuổi; cháu Nguyễn Đăng Đ2, sinh ngày 14/01/2008. Cháu Đ2 do ông Đ nuôi dưỡng từ khi bà H và ông Đ ly thân năm 2015 đến nay. Hiện cháu Đ2 do ông Đ nuôi dưỡng đã ổn định, bà H đồng ý để ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ2, bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đ2 mỗi tháng 800.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Phương Đ có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án :

Ông Đ đồng ý ly hôn với bà H vì vợ chồng đã không còn sống chung 07 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà H đã có chồng khác và con riêng nên vợ chồng không thể ở lại với nhau được.

Về con chung: Ông Đ và bà H có 02 con chung; cháu Nguyễn Đăng Đ1, sinh ngày 30/5/2000 đã trưởng thành đủ 18 tuổi; cháu Nguyễn Đăng Đ2, sinh ngày 14/01/2008. Cháu Đ2 do ông Đ nuôi dưỡng từ khi ông Đ và bà H ly thân năm 2015 đến nay. Ông Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ2 và yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đ2 mỗi tháng 500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn cư trú tại khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu vắng mặt nên xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Phương Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2000 tại UBND thị trấn M, huyện B, tỉnh B (nay là phường M, thị xã B). Hôn nhân tự nguyện, do đó hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hợp pháp.

Bà H yêu cầu ly hôn với ông Đ vì khi chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Cách đây 07 năm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân 07 năm, hôn nhân không thể hàn gắn nên bà H được ly hôn với ông Đ.

Ông Đ có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án : Ông Đ đồng ý ly hôn với bà H vì vợ chồng đã không còn sống chung 07 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thể ở lại với nhau được.

Như vậy, bà H và ông Đ ly thân đã 07 năm, mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì hôn nhân, cả hai đã đồng ý ly hôn. Do đó yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và được chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung; cháu Nguyễn Đăng Đ1, sinh ngày 30/5/2000 đã trưởng thành đủ 18 tuổi; cháu Nguyễn Đăng Đ2, sinh ngày 14/01/2008. Cháu Đ2 do ông Đ nuôi dưỡng từ khi ông Đ và bà H ly thân năm 2015 đến nay hiện đã ổn định. Cháu Đ2 có nguyện vọng sống chung với ông Đ. Do vậy giao cháu Đ2 cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ chỉ yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đ2 mỗi tháng là 500.000 đồng, bà H có ý kiến cấp dưỡng nuôi cháu Đ2 mỗi tháng là 800.0000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà H, bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ2 mỗi tháng là 800.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với bị đơn ông Nguyễn Phương Đ về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”; bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Phương Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng Đ2, sinh ngày 14/01/2008 cho ông Nguyễn Phương Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ2 mỗi tháng là 800.000 đồng cho đến khi cháu Đ2 trưởng thành tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà H và ông Đ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, bà H được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại cơ quan thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ 600.000 đồng bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2021/0001004 ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà H phải nộp thêm 300.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường M, thị xã B, tỉnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

B;
- Lưu: HS, TA.

Thế Thị Ngọc Anh